

Bản án số: 753/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Phạm Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1501/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 183/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 57 đường Cây T, ấp P, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 21A Tỉnh lộ 15, ấp H, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 11/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2011, đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 184/2011, quyền số I/2011 ngày 18/10/2011. Sau khi kết hôn, ông cùng bà T sinh sống tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có khác biệt về quan điểm sống. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về tiền bạc làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà T đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng.

Hiện vợ chồng ông không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Chí T, sinh ngày 01/7/2012. Hiện con chung đang sống cùng ông, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy trích lục khai sinh (bản sao), Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản phô tô).

Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T với bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2011, quyển số I/2011 ngày 18/10/2011 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông T thì mâu thuẫn giữa ông với bà T là trầm trọng và không thể hàn gắn do ông và bà T không hiểu nhau, có khác biệt về quan điểm sống. Ngoài ra, ông T với bà T còn mâu thuẫn với nhau về tiền bạc làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông T với bà T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Chí T, sinh ngày 01/7/2012, hiện đang sống với ông T. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, cần giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn: Ông T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2011 ngày 18/11/2011 đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T, bà T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Chí T, sinh ngày 01/7/2012. Ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0083137 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được Th từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quang Định

